

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
GIAI ĐOẠN 2023 - 2030, TẦM NHÌN 2040**

Hà Nội, tháng 10/2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Số: 118 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại
giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2040

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 18/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại; Nghị quyết số 30/NQ-HĐT ngày 27/9/2021 của Hội đồng trường về việc điều chỉnh một số điều trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại; Nghị quyết số 60/NQ-HĐT ngày 11/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 tại phiên họp thứ 44 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2040.

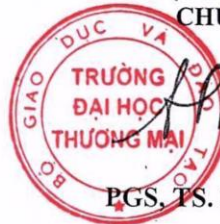
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 1468/QĐ-HĐT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành “Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2040”.

Điều 3. Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại, Trưởng các đơn vị thuộc Trường; các tổ chức chính trị - xã hội trong Trường; viên chức và người lao động trong Trường Đại học Thương mại và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu Văn thư, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



PGS. TS. Bùi Hữu Đức

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐH	: Đại học
ĐT	: Đề tài
GS	: Giáo sư
GV	: Giảng viên
HĐGSNN	: Hội đồng giáo sư nhà nước
HTKHQG	: Hội thảo khoa học quốc gia
HTKHQT	: Hội thảo khoa học quốc tế
HV	: Học viên
KHCN	: Khoa học & Công nghệ
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
NCV	: Nghiên cứu viên
PGS	: Phó giáo sư
ThS	: Thạc sĩ
TMU	: Thuongmai University
TS	: Tiến sĩ
SĐH	: Sau đại học
SV	: Sinh viên
VNĐ	: Việt Nam đồng

MỤC LỤC

	Trang
Phần 1: SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC	1
1.1. Sứ mạng	1
1.2. Tâm nhìn	1
1.3. Giá trị cốt lõi	1
1.4. Triết lý giáo dục	1
Phần 2: CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	2
2.1. Mục tiêu chung	2
2.2. Mục tiêu phát triển các hoạt động	2
2.3. Mục tiêu phát triển các nguồn lực	5
Phần 3: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	11
3.1. Cơ hội và thách thức	11
3.2. Quản trị trường đại học	11
3.3. Tuyển sinh và đào tạo	13
3.4. Nghiên cứu khoa học	15
3.5. Đối ngoại và hợp tác quốc tế	16
3.6. Nhân lực	18
3.7. Cơ sở vật chất	18
3.8. Tài chính	19
3.9. Các giải pháp khác	20

Phần 1

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

1.1. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại; đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng và nâng cao vị thế của Việt Nam.

1.2. Tầm nhìn

Đến năm 2040 trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng đổi mới sáng tạo, hội nhập và phát triển bền vững trong khu vực Châu Á.

1.3. Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi: *Truyền thống, Trách nhiệm và Sáng tạo*

- *Truyền thống*: Dân chủ, đoàn kết, nhân văn, hợp tác, chia sẻ, tự lực tự cường, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động.

- *Trách nhiệm*: Thượng tôn pháp luật; chịu trách nhiệm giải trình, công khai và minh bạch hóa các hoạt động; không ngừng đổi mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng đào tạo; tham gia tích cực, thiết thực và hiệu quả các hoạt động cộng đồng; không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống cho viên chức và người lao động.

- *Sáng tạo*: Liên tục đổi mới với tư duy sáng tạo trong hoạt động quản lý, giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; Kết hợp sáng tạo cá nhân với trí tuệ tập thể; Phát triển các mối quan hệ, các hoạt động thích ứng và bền vững với mọi sự thay đổi.

1.4. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục: *Kiến tạo tương lai (Shape the future)*

Tạo dựng môi trường giáo dục trách nhiệm, chính sách giáo dục đa dạng giúp người học trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách, có khát vọng vươn lên; khẳng định thương hiệu TMU trên nền tảng giá trị cốt lõi Truyền thống - Trách nhiệm - Sáng tạo.

Phần 2

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

2.1. Mục tiêu chung

(1) Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo; đa dạng hình thức, phương thức đào tạo, từng bước nâng cao chuẩn đầu ra và phát triển các ngành/chương trình đào tạo mới gắn với sự phát triển của nền kinh tế số trên cơ sở đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính có năng lực cao; cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chuyển đổi số đồng bộ; tài chính bền vững.

(2) Phát triển vững chắc khoa học công nghệ để thực sự là động lực góp phần quyết định đưa Trường Đại học Thương mại trở thành trường đại học định hướng đổi mới sáng tạo; tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt trình độ quốc tế trên cơ sở đa dạng hoá các nguồn lực và mở rộng hợp tác.

(3) Tăng cường trách nhiệm phục vụ cộng đồng tích hợp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo.

2.2. Mục tiêu phát triển các hoạt động

2.2.1. Các mục tiêu tuyển sinh và đào tạo

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Phát triển CTĐT trình độ ĐH	- Số CTĐT chuẩn mở mới: 6 - 7 - Số CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế/tích hợp quốc tế mở mới: 10 - 13 - Số CTĐT từ xa: 5	- Số CTĐT chuẩn mở mới: 2 - 5 - Số CTĐT tiên tiến, định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế/tích hợp quốc tế mở mới: 2 - 5
Phát triển CTĐT trình độ SDH	Số CTĐT mở mới: 1 - 2	Số CTĐT mở mới: 1 - 2
Phát triển CTĐT liên kết quốc tế	Số CTĐT liên kết quốc tế mở mới: 3 - 5	Số CTĐT liên kết quốc tế mở mới: 8 - 10
Tuyển sinh trình độ ĐH	- ĐH chính quy: 4.800 - 5.100 SV/năm - ĐH từ xa: 900 - 1.000 SV/năm	- ĐH chính quy: 5.100 - 5.500 SV/năm - ĐH từ xa: 1.000 - 1.200 SV/năm
Tuyển sinh trình độ SDH	- ThS: 500 - 600 HV/năm - TS: 30 - 40 NCS/năm	- ThS: 500 - 600 HV/năm - TS: 40 - 50 NCS/năm

Tuyển sinh chương trình đào tạo liên kết quốc tế	- ĐH: 800 - 1.000 SV/năm - SDH: 15 - 20 HV/năm	- ĐH: 800 - 1.000 SV/năm - SDH: 15 - 20 HV/năm
Tỷ lệ SV tốt nghiệp	- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn: $\geq 50\%$ - Tỷ lệ SV tốt nghiệp trong khung thời gian không vượt quá 1,5 thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn: $\geq 70\%$	- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn: $\geq 50\%$ - Tỷ lệ SV tốt nghiệp trong khung thời gian không vượt quá 1,5 thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn: $\geq 70\%$
Tỷ lệ SV có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm, tự tạo việc làm phù hợp với trình độ đào tạo hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng $\geq 70\%$	Tỷ lệ SV có việc làm, tự tạo việc làm phù hợp với trình độ đào tạo hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng $\geq 70\%$
Tỷ lệ SV tốt nghiệp hài lòng với tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm tại trường	Tỷ lệ SV tốt nghiệp hài lòng với tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm tại trường $> 70\%$	Tỷ lệ SV tốt nghiệp hài lòng với tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm tại trường $> 70\%$

2.2.2. Các mục tiêu nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên * <i>Lưu ý: (*) không tính GV, NCV tập sự</i>	- Số nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế: 12 - 15 - Tỷ lệ bài báo WoS, Scopus/GV, NCV: 0,20 - 0,30 bài/GV, NCV/năm - Tỷ lệ bài báo trong nước có uy tín (tạp chí được HDGSNN đánh giá từ 0,75 điểm trở lên; HTKHQT bằng tiếng Anh): 0,55 - 0,65 bài/GV, NCV/năm - Tỷ lệ bài báo/GV, NCV: $\geq 0,8$ bài/GV, NCV/năm - Số HTKHQT/HTKHQG: 6 - 7/năm - Tỷ lệ đề tài các cấp/GV, NCV: $\geq 0,15$	- Số nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế: 15 - 20 - Tỷ lệ bài báo WoS, Scopus/GV, NCV: 0,30 - 0,35 bài/GV, NCV/năm - Tỷ lệ bài báo trong nước có uy tín (tạp chí được HDGSNN đánh giá từ 0,75 điểm trở lên; HTKHQT bằng tiếng Anh): 0,65 - 0,70 bài/GV, NCV/năm - Tỷ lệ bài báo/GV, NCV: $\geq 1,0$ bài/GV, NCV/năm - Số HTKHQT/HTKHQG: 6 - 7/năm - Tỷ lệ đề tài các cấp/GV, NCV: $\geq 0,2$

Phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 1 - 2 - Số bài báo WoS, Scopus thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo: 4 - 6 - Số ĐT cấp Quốc gia, Nafosted: 1 - 2 - Số ĐT cấp bộ và tương đương thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo: 2 - 3 - Số tài sản trí tuệ đăng ký được chấp nhận/cấp giấy chứng nhận: 10 - 15/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 3 - 4 - Số bài báo WoS, Scopus thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo: 18 - 20 - Số ĐT cấp Quốc gia, Nafosted: 1 - 3 - Số ĐT cấp bộ và tương đương thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo: 4 - 5 - Số tài sản trí tuệ đăng ký được chấp nhận/cấp giấy chứng nhận: 10 - 15/năm
Gắn kết hoạt động NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Số đề tài cấp trường bình quân: 50/năm - Số người học thực hiện NCKH: ≥ 3.000 - Tỷ lệ GV trẻ (< 40 tuổi) tham gia NCKH: $\geq 80\%/năm$ - Số hoạt động KHCN theo hướng phục vụ cộng đồng: 5 - 7/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Số đề tài cấp trường bình quân: 50/năm - Số người học thực hiện NCKH: ≥ 5.000 - Tỷ lệ GV trẻ (< 40 tuổi) tham gia NCKH: $\geq 90\%/năm$ - Số hoạt động KHCN theo hướng phục vụ cộng đồng: 7 - 9/năm

2.2.3. Các mục tiêu đối ngoại và hợp tác quốc tế

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Phát triển các đối tác quốc tế mới (đào tạo và NCKH)	Số lượng các đối tác mới: 3 - 5	Số lượng các đối tác mới: 5 - 8
Phát triển các dự án hợp tác quốc tế trong NCKH	Số lượng dự án phát triển trong giai đoạn: 1 - 2	Số lượng dự án phát triển trong giai đoạn: 1 - 2
Hoạt động thu hút, trao đổi sinh viên quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng SV trao đổi hàng năm: 50 - 60 - Số chương trình giao lưu SV quốc tế hàng năm: 4 - 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng SV trao đổi hàng năm: 60 - 80 - Số chương trình giao lưu SV quốc tế hàng năm: 5 - 8

2.2.4. Các mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục		Kiểm định chất lượng Trường theo đúng chu kỳ
Kiểm định CTĐT trình độ ĐH	Đảm bảo kiểm định chất lượng đúng chu kỳ, 100% các CTĐT đủ điều kiện kiểm định chất lượng đạt chuẩn chất lượng, trong đó 2 - 3 CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế.	Đảm bảo kiểm định chất lượng đúng chu kỳ, 100% các CTĐT đủ điều kiện kiểm định chất lượng đạt chuẩn chất lượng, trong đó 4 - 6 CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế.
Kiểm định chất lượng CTĐT trình độ SDH	Số CTĐT đạt chuẩn kiểm định: 2 - 3	Số CTĐT đạt chuẩn kiểm định: 3 - 4

2.3. Mục tiêu phát triển các nguồn lực

2.3.1. Các mục tiêu tổ chức bộ máy và nhân lực

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Hoàn thiện tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học; với cơ chế quản lý và hoạt động theo định hướng đổi mới quản trị đại học và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trường theo 3 cấp: Trường - Đơn vị thuộc Trường - Đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trường theo 3 cấp: Trường - Đơn vị thuộc Trường - Đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường
Đảm bảo ổn định đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ theo quy định với từng chức danh; chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao về giảng dạy và NCKH	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng GV: 520 - 530 (người) - Tỷ lệ GV là TS: 45 - 50% - Số lượng PGS: 2 - 3 người/năm - Số lượng GS: 1 - 2 người - Tỷ lệ GV giảng dạy học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ: 16% - 20% - Số lượng giảng viên nước ngoài tham gia các CTĐT bình quân: 60 - 70 người/năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng GV: 530 - 550 (người) - Tỷ lệ GV là TS: 55 - 60% - Số lượng PGS: 2 - 3 người/năm - Số lượng GS: 1 - 2 người - Tỷ lệ GV giảng dạy học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ: 25% - 30% - Số lượng giảng viên nước ngoài tham gia các CTĐT bình quân: 70-80 người/năm.

Đảm bảo tỷ lệ phù hợp giữa viên chức và nhân viên phục vụ/tổng số viên chức, người lao động	Tỷ lệ viên chức hành chính, nhân viên phục vụ/tổng số viên chức, người lao động: ≤ 35%	Tỷ lệ viên chức hành chính, nhân viên phục vụ/tổng số viên chức, người lao động: ≤ 35%
---	--	--

2.3.2. Các mục tiêu cơ sở vật chất

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
Phát triển hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị theo hướng hiện đại đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai dự án Tòa nhà giảng đường Trung tâm CD - Quy mô: 1 tầng hầm và 12 tầng nổi - Diện tích xây dựng: 2.177 m² - Tổng diện tích sàn xây dựng: 24.300m² - Số lượng lớp học: 82 - 88 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai Dự án xây dựng tòa nhà đa năng AB - Quy mô dự kiến: 2 tầng hầm và 15 tầng nổi - Diện tích xây dựng dự kiến: 2.300 m² - Tổng diện tích sàn xây dựng dự kiến: 40.000m²
Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động quản lý của Trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp phòng thực hành, hệ thống máy tính, hạ tầng mạng, máy chủ, đường truyền, hệ thống wifi, hệ thống an ninh - giám sát mạng - Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong quản lý điều hành theo kế hoạch của đề án chuyển đổi số - Hoàn thiện hệ thống LMS, xây dựng hệ thống học liệu điện tử đáp ứng tối đa 30% chương trình học cho hệ đại học chính quy và giảng dạy 100% cho đào tạo từ xa 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường năng lực hệ thống phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo; nâng cấp hạ tầng mạng, máy chủ, đường truyền, hệ thống wifi, hệ thống an ninh - giám sát mạng - Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong quản lý điều hành theo kế hoạch của đề án chuyển đổi số - Nâng cấp hệ thống LMS, hệ thống học liệu điện tử đáp ứng nhu cầu đào tạo
Hệ thống thông tin quản lý	Có đầy đủ dữ liệu về người học, GV và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, đồng thời cập nhật đầy đủ dữ liệu trên hệ thống HEMIS	Có đầy đủ dữ liệu về người học, GV và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, đồng thời cập nhật đầy đủ dữ liệu trên hệ thống HEMIS

<p>Phát triển thư viện theo hướng hiện đại, đồng bộ, mở rộng kết nối dữ liệu toàn cầu đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường</p>	<p>- Số đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc tính bình quân trên một ngành đào tạo ≥ 50.</p> <p>- Triển khai thư viện số:</p> <p>+ Phần mềm: Đầu tư hệ thống phần mềm quản lý tài liệu in, tài liệu số, phần mềm công nghệ thông tin và phần mềm tìm kiếm tập trung, kết nối thu hoạch tài nguyên điện tử từ xa.</p> <p>+ Phần cứng: Đầu tư hệ thống phần cứng đầy đủ, đồng bộ, hiện đại.</p> <p>+ Phát triển tài nguyên thông tin điện tử đáp ứng 100% tài liệu phục vụ đào tạo</p> <p>+ Liên thông với các thư viện trong và ngoài nước: Trong nước: 10; Nước ngoài: 3</p>	<p>- Số đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc tính bình quân trên một ngành đào tạo ≥ 50.</p> <p>- Phát triển thư viện số thông minh:</p> <p>+ Phần mềm: Cập nhật, nâng cấp, gia hạn bảo trì; đầu tư mới.</p> <p>+ Phần cứng: Thay thế, bổ sung mới, bảo trì.</p> <p>- Phát triển tài nguyên thông tin điện tử: đáp ứng 100% tài liệu phục vụ đào tạo</p>
<p>Tỷ lệ sinh viên hài lòng về điều kiện dạy và học của cơ sở đào tạo</p>	<p>Tỷ lệ sinh viên hài lòng về điều kiện dạy và học của cơ sở đào tạo $\geq 70\%$</p>	<p>Tỷ lệ sinh viên hài lòng về điều kiện dạy và học của cơ sở đào tạo $\geq 70\%$</p>

2.3.3. Các mục tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2023-2025	2026-2030
<p>Phát triển và đa dạng hóa nguồn thu, đảm bảo cơ cấu nguồn thu hợp lý.</p>	<p>- Nguồn thu hằng năm tăng $\geq 10\%$</p> <p>- Cơ cấu nguồn thu:</p> <p>+ Nguồn thu dịch vụ đào tạo: 80% - 85%</p> <p>+ Nguồn thu khác: 13% -18% (tài trợ, hoạt động tài chính, dịch vụ phục vụ đào tạo...)</p> <p>- Đến năm 2025 học phí đảm bảo tính đủ chi phí đào tạo. Mức thu học phí các</p>	<p>- Nguồn thu hằng năm tăng $\geq 10\%$.</p> <p>- Cơ cấu nguồn thu:</p> <p>+ Nguồn thu dịch vụ đào tạo: 80% - 85%</p> <p>+ Nguồn thu khác: 12% - 17% (tài trợ, hoạt động tài chính, dịch vụ phục vụ đào tạo,...)</p>

	CTĐT tiệm cận với khung học phí của Nhà nước giai đoạn 2021-2025 đối với các trường tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư	
Phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả giữa chi hoạt động thường xuyên (chi con người, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi hoạt động NCKH, chi dịch vụ...) và chi đầu tư phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi con người tăng bình quân 5%/năm - Chi hoạt động chuyên môn tăng từ 5% - 10%/năm - Tỷ lệ chi hoạt động KHCN $\geq 5\%$ trong tổng nguồn thu - Hằng năm tăng tích lũy để phục vụ chi đầu tư phát triển 5% - 10% từ chênh lệch thu chi và khấu hao tài sản cố định - Đảm bảo quỹ ổn định thu nhập hằng năm - Đảm bảo quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học $\geq 8\%$/nguồn thu học phí đại học chính quy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi con người tăng bình quân 5%/năm - Chi hoạt động chuyên môn tăng từ 5% - 10%/năm - Tỷ lệ chi hoạt động KHCN $\geq 5\%$ trong tổng nguồn thu - Hằng năm tăng tích lũy để phục vụ chi đầu tư phát triển 5% - 10% từ chênh lệch thu chi và khấu hao tài sản cố định - Đảm bảo quỹ ổn định thu nhập hằng năm - Đảm bảo quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học $\geq 8\%$/nguồn thu học phí đại học chính quy.
Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ và phát triển cơ sở vật chất bình quân từ quỹ đầu tư và phát triển	60 - 70 tỷ VNĐ/năm	70 - 90 tỷ VNĐ/năm

Phần 3

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Cơ hội và thách thức

3.1.1. Cơ hội

- Đảng và Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, luôn coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, coi giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách về đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam; đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục đại học từ kiểm soát trực tiếp sang kiến tạo, giám sát; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục đại học.

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã mở ra nhiều cơ hội trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; tiếp cận với nền giáo dục đại học và khoa học công nghệ hiện đại của thế giới.

- Nền kinh tế tri thức phát triển làm gia tăng nhu cầu của xã hội về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Thay đổi của thị trường lao động trong nước và thế giới tạo ra cầu lao động mới, tạo cơ hội phát triển các ngành đào tạo mới.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

3.1.2. Thách thức

- Nhà nước mở rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học, đòi hỏi các trường phải đổi mới toàn diện, triển khai các giải pháp quản trị hiện đại.

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo ra những thách thức và cạnh tranh gay gắt trong giáo dục, trong khi nền giáo dục Việt Nam vẫn còn có khoảng cách nhất định so với các nước trong khu vực và thế giới.

- Nền kinh tế tri thức phát triển đặt ra yêu cầu trường đại học phải không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Thay đổi của thị trường lao động trong nước và thế giới đòi hỏi đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, phát triển các hướng đào tạo liên ngành để thích ứng.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số trong giáo dục đòi hỏi các trường phải đầu tư nguồn lực nhiều hơn cho cơ sở vật chất và con người.

3.2. Quản trị trường đại học

Tiếp tục thực hiện quản trị Trường Đại học Thương mại theo mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm tập trung với ba vấn đề then chốt: Tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tự chủ về cơ cấu tổ chức bộ máy và tự chủ về tài chính:

- Tự chủ thực hiện nhiệm vụ: Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong tuyển sinh và đào tạo đảm bảo chất lượng theo cam kết chuẩn đầu ra được công bố. Triển khai các giải pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về nghiên cứu khoa học, phát triển các chuyên ngành đào tạo là lợi thế của Trường và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Phát triển song song các kế hoạch nghiên cứu khoa học độc lập của Trường và kế hoạch nghiên cứu khoa học hợp tác và chuyển giao ứng dụng với các đối tác trong và ngoài nước.

- Tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự: Trường tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học và đáp ứng được các mục tiêu chiến lược. Phát triển nhân lực theo định hướng nâng cao chất lượng. Trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về việc thành lập mới, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị thuộc Trường; quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các đơn vị thuộc Trường bảo đảm phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy, số lượng và cơ cấu nhân lực phù hợp với quy mô đào tạo.

- Tự chủ về tài chính: Tiếp tục thực hiện tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và quyết định sử dụng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của Trường để tiếp tục đầu tư mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực để đảm bảo chất lượng đào tạo, chuyển đổi số trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đảm bảo tính minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn về tự chủ trường đại học. Xây dựng các kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn đảm bảo cân đối tài chính theo hướng tích cực, lành mạnh và bền vững.

3.2.1. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quản lý

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ theo từng lĩnh vực chức năng theo hướng phù hợp thực tiễn và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý, theo quy định của Luật Giáo dục Đại học.

- Hoàn thiện các bộ quy tắc ứng xử trong Trường Đại học Thương mại.

- Các đơn vị thuộc Trường tổ chức, triển khai nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường; xây dựng kế hoạch hướng dẫn triển khai phù hợp với đặc điểm đơn vị và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

3.2.2. Tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy theo mô hình 3 cấp: Trường - Đơn vị thuộc Trường - Đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường, gắn với quá trình phát triển hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ.

- Thành lập đơn vị mới thuộc Trường, gắn với mở mới ngành/chuyên ngành đào tạo; Thành lập một số viện trên cơ sở phát triển khoa quản lý ngành đào tạo;

Thành lập một số Trung tâm trực thuộc Trường triển khai cung ứng dịch vụ về hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ.

- Tăng cường việc phân cấp quản lý và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị thuộc Trường, đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

3.2.3. Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại

- Xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý minh bạch, hiệu quả.

3.2.4. Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đối với cán bộ quản lý, viên chức và người học, hình thành văn hóa chất lượng trong toàn Trường.

- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng trong Trường; Thực hiện việc triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường và đơn vị thuộc Trường theo đúng các quy định.

- Tăng cường quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng Trường, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện kế hoạch và chu kỳ kiểm định chất lượng Trường và các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng nhằm duy trì, củng cố và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

3.2.5. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động

- Tăng cường hoạt động kiểm tra việc chấp hành quy chế, quy định của Trường.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả của các giải pháp thực thi chiến lược phát triển của Trường nhằm điều chỉnh mục tiêu, giải pháp thực thi chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh thực tế của từng giai đoạn.

3.3. Tuyển sinh và đào tạo

3.3.1. Thường xuyên rà soát, cải tiến và phát triển các chương trình đào tạo

- Nghiên cứu, phân tích nhu cầu thị trường lao động trong nước, khu vực và quốc tế, năng lực thực tế của Trường để phát triển các ngành, chương trình, hình thức đào tạo theo hướng đa dạng hóa ở các trình độ.

- Chú trọng định kỳ đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo hiệu quả, hợp lý, theo hướng:

- + Tăng tính ứng dụng thực tiễn của chương trình đào tạo, đảm bảo số lượng học phần tự chọn theo hướng giúp người học tích lũy được kiến thức và kỹ năng

chuyên sâu; đảm bảo tính liên thông theo chiều ngang, chiều dọc của các chương trình đào tạo;

+ Tăng cường tích hợp vào chương trình đào tạo các học phần liên quan đến chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, tạo cơ hội cho sinh viên sau tốt nghiệp có cơ hội tích lũy học phần để được cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế;

+ Tăng cường trong chương trình đào tạo các kiến thức về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kinh tế số;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế để tích hợp và chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của Trường và sự tham gia của giảng viên nước ngoài trong các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao;

+ Tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường.

3.3.2. Nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào

- Tổ chức tốt hoạt động truyền thông về các ngành, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo và về cơ sở đào tạo; đa dạng hình thức, phương thức và nội dung truyền thông;... để khai thác được nguồn thí sinh có chất lượng.

- Thu thập và phân tích dữ liệu tuyển sinh hàng năm làm căn cứ để xây dựng Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh hợp lý; trong đó chú trọng đa dạng hoá và đổi mới phương thức tuyển sinh phù hợp với từng trình độ đào tạo, từng hình thức đào tạo.

- Tổ chức thực hiện tuyển sinh các trình độ, các hình thức, chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch, quy chế và quy định hiện hành.

3.3.3. Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức dạy - học

- Đổi mới, phát triển có chọn lọc các phương pháp dạy và học: Đẩy mạnh việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến; Khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực và ý thức tự học của người học trong quá trình đào tạo; Giảng viên giữ vai trò là người định hướng, giúp đỡ người học trong việc khám phá tri thức, tiếp cận những nguồn tài liệu và khuyến khích, khơi dậy tiềm năng của người học trong nghiên cứu, học tập.

- Duy trì và đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả phù hợp với tính chất và yêu cầu chuẩn đầu ra của từng loại học phần, nhằm khuyến khích người học chủ động sáng tạo trong học tập và trong việc ứng dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, định lượng được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo.

3.3.4. Tạo môi trường học tập thuận lợi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

- Tạo môi trường học tập thuận lợi gắn với việc cung cấp đa dạng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu người học (cảnh quan môi trường, hội trường lớp học, ký túc xá, các dịch vụ tiện ích khác,...).

- Tăng cường trao đổi giảng viên, người học với các trường trong khu vực và trên thế giới; thúc đẩy các chương trình trao đổi tín chỉ, chuyển đổi tín và công nhận kết quả học tập với các trường uy tín trong và ngoài nước.

- Tăng cường thu hút lưu học sinh đến học tập, nghiên cứu tại Trường.

- Tạo thêm nhiều cơ hội cho người học được giao lưu, học tập, tham gia các hoạt động và trao đổi về lĩnh vực chuyên môn với các tổ chức quốc tế.

- Tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ, thực hiện đồng bộ các chính sách, điều kiện nhằm hỗ trợ phát huy năng lực, tài năng của người học và giảng viên.

3.3.5. Phát triển hệ thống học liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo

- Đẩy mạnh biên soạn giáo trình cho các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo; Thực hiện rà soát, cập nhật đảm bảo tính hiện đại của giáo trình.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết nhằm khai thác các giáo trình, tài liệu tham khảo quốc tế.

- Phát triển học liệu điện tử và tài nguyên thông tin điện tử phù hợp với yêu cầu đa dạng hóa hình thức đào tạo.

3.4. Nghiên cứu khoa học

3.4.1. Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ viên chức

- Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ viên chức. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tọa đàm về phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Phát huy năng lực nghiên cứu của các giáo sư, phó giáo sư trong nghiên cứu khoa học; đào tạo lực lượng nghiên cứu thông qua các thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tham gia hoạt động khoa học chuyên môn trong và ngoài nước.

- Tăng cường chính sách hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu của Trường gắn với các sản phẩm khoa học và đào tạo có chất lượng.

- Tăng cường hợp tác công bố các sản phẩm khoa học giữa giảng viên của Trường với các nhà khoa học nước ngoài.

- Mở rộng phối hợp với các đối tác quốc tế khuyến khích giảng viên Trường tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành để tăng cường giao lưu, học hỏi kinh nghiệm.

- Điều chỉnh các quy định về đánh giá, thi đua - khen thưởng, kỷ luật theo hướng khuyến khích công bố khoa học của giảng viên.

- Đổi mới hoạt động của đơn vị quản lý khoa học theo hướng chuyên nghiệp hóa, đẩy mạnh số hóa các tài liệu, văn bản, thủ tục để thực sự thúc đẩy, hỗ trợ hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

3.4.2. Phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo

- Tập trung phát triển các chủ đề nghiên cứu có tính thời sự, tính liên ngành, theo hướng ứng dụng phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu chiến lược của Trường.

- Tăng cường công tác xúc tiến với các bộ, ban ngành, địa phương về các hướng nghiên cứu chiến lược của Trường.

- Xây dựng và bồi dưỡng các nhóm nghiên cứu nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu trong các lĩnh vực nghiên cứu chiến lược và đổi mới sáng tạo thuộc thể mạnh, truyền thống của Trường.

- Ưu tiên tuyển chọn, giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cho các nhóm nghiên cứu đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực, kinh nghiệm, có định hướng khoa học đúng, phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu chiến lược của Trường và có cam kết bài báo quốc tế WoS, Scopus.

- Cung cấp thông tin, thông báo, hướng dẫn và khuyến khích đăng ký đầu thầu các đề tài, dự án khoa học trong nước và quốc tế. Tăng cường hợp tác và liên kết nghiên cứu với Văn phòng các chương trình trọng điểm, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường của các bộ, các trường đại học, viện nghiên cứu, các sở khoa học công nghệ địa phương, các doanh nghiệp,...

- Thực hiện công tác đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước các tài sản trí tuệ của Trường.

3.4.3. Gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ cộng đồng

- Xây dựng tiêu chí ưu tiên xét chọn những đề tài cấp trường có ứng dụng thiết thực cho hoạt động giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo.

- Nâng cao chất lượng hoạt động hướng dẫn người học thực hiện NCKH.

- Gắn kết các đề tài nghiên cứu khoa học với đề tài luận văn, luận án, gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo; có sự tham gia của người học và giảng viên trẻ.

- Phát triển các hoạt động khoa học công nghệ theo hướng phục vụ cộng đồng.

3.5. Đối ngoại và hợp tác quốc tế

3.5.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định, cơ chế về hợp tác quốc tế

- Xây dựng và ban hành các quy định trong lĩnh vực quản lý các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo các quy định hiện hành.

- Hoàn thiện quy trình phê duyệt và thẩm định các dự án liên kết đào tạo quốc tế.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các viên chức tham gia các hội thảo khoa học quốc tế; tăng cường kết nối, tạo dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế gắn với chiến lược phát triển của Trường.

- Phân cấp công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu về cho các khoa, viện nhằm tăng cường tính chủ động, sáng tạo để đạt hiệu quả cao và sát với nhu cầu thực tế từng đơn vị.

3.5.2. Duy trì và phát triển chiều sâu hợp tác quốc tế với các đối tác truyền thống

- Tiếp tục phát triển các chương trình liên kết đào tạo quốc tế với các trường đại học của Pháp, Áo, Anh, Trung Quốc... trên nguyên tắc hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau và cùng có lợi, sẵn sàng chia sẻ về chương trình, nội dung đào tạo, công nhận chương trình đào tạo của nhau.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với Hiệp hội Nghiên cứu logistics ASEAN-Đức (AGKN), Úc (Đại học Tây Úc); AUF... thông qua việc nâng cao năng lực nghiên cứu của các nhà khoa học, giảng viên giảng dạy chuyên ngành.

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong lĩnh vực trao đổi sinh viên, giảng viên với các đối tác Nhật Bản (Đại học Kwansei Gakuin, Đại học Shizouka), Hàn Quốc (Đại học Woosong, Đại học Kwanghee), Trung Quốc (Đại học Quảng Tây, Đại học Công nghệ Hoa Nam, Đại học Dân tộc Quảng Tây), Đài Loan (Đại học Long Hoa, Đại học Nam Hoa,...) theo cả hai chiều.

3.5.3. Đa dạng hóa và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác uy tín, có chất lượng trong khu vực và trên thế giới

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và uy tín của Trường. Ưu tiên lựa chọn các đối tác được xếp hạng top 600 (hoặc ngành được xếp hạng top 600) theo chuẩn xếp hạng THE.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học của nhiều nước ở nhiều châu lục nhằm học hỏi, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm đa dạng, phong phú, đặc biệt trong lĩnh vực trao đổi giảng viên và sinh viên. Đối với trao đổi giảng viên, xác định rõ những nhiệm vụ cụ thể cho các giảng viên được gửi ra nước ngoài là góp phần làm giàu nguồn tài liệu của Trường và giúp các giảng viên khác cập nhật kiến thức mới sau khi về lại Trường. Đối với trao đổi sinh viên, tích cực tìm kiếm các đối tác tiềm năng để triển khai chương trình trao đổi sinh viên một cách thiết thực, có hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ sinh viên quốc tế học tại Trường và sinh viên học tập tại nước ngoài.

- Mở rộng quan hệ hợp tác đào tạo với các trường đại học của Anh, Úc, Canada, Mỹ đặc biệt đối với các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh bậc đại học, sau đại học; với các Hiệp hội nghề nghiệp quốc tế có uy tín cấp chứng chỉ nghề nghiệp hoặc tổ chức các seminar, hội thảo nhằm tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

- Tăng cường tổ chức các hội thảo quốc tế. Khuyến khích các đơn vị trong Trường chủ động tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước, nhất là các đối tác nước ngoài phối hợp tổ chức hội thảo theo phân cấp của Trường.

3.6. Nhân lực

3.6.1. Phát triển đội ngũ giảng viên

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trên cơ sở lộ trình thực hiện chiến lược phát triển Trường.

- Có chính sách phù hợp trong tuyển dụng giảng viên để thu hút các ứng viên có học vị và chức danh khoa học cao, có năng lực công bố quốc tế và giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ phù hợp với quy định pháp luật và quyền tự chủ của Trường.

- Chuẩn hóa trình độ đội ngũ giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường; từng bước nâng tỷ lệ giảng viên có chức danh khoa học cao.

- Phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực tiếng Anh tốt.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế trong việc chia sẻ/trao đổi/đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

- Đảm bảo đãi ngộ công bằng, cạnh tranh và phù hợp với khả năng tài chính của Trường; gắn với kết quả, hiệu quả công việc.

- Xây dựng chính sách và quy định về hợp đồng để thu hút giảng viên, nhà nghiên cứu là người nước ngoài ký kết hợp đồng làm việc với Trường.

3.6.2. Phát triển đội ngũ viên chức hành chính và người lao động

- Thường xuyên rà soát để xác định quy mô, cơ cấu nhân sự các đơn vị chức năng và phục vụ trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường; Quy chế tổ chức và hoạt động và Đề án vị trí việc làm.

- Chuẩn hóa đội ngũ viên chức hành chính và người lao động về kiến thức, kỹ năng và thái độ phục vụ của yêu cầu phát triển của Trường; đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ đào tạo - nghiên cứu của giảng viên, người học và xã hội.

- Thực hiện việc rà soát, sắp xếp, điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, tuyển dụng mới đội ngũ viên chức hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả nâng cao chất lượng.

- Tiếp tục rà soát lại các hoạt động chức năng, phục vụ trong Trường để xác định hoạt động chuyển sang thuê ngoài, từ đó duy trì số lượng viên chức hành chính cơ hữu.

3.7. Cơ sở vật chất

- Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trên cơ sở cân đối nguồn tài chính của Trường.

- Tổ chức, triển khai các dự án, hạng mục đầu tư phát triển cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư, triển khai các hoạt động bảo hành, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định.

- Gia tăng số bản sách, giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc trong đề cương chi tiết học phần. Tăng cường thay thế các đầu sách in bằng các đầu sách bản điện tử.

3.8. Tài chính

- Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đảm bảo nguồn thu đáp ứng yêu cầu tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; xây dựng và điều chỉnh chính sách thu hàng năm theo lộ trình tăng học phí. Bổ sung và hoàn thiện quy định thu chi nội bộ phù hợp với mục tiêu cụ thể hàng năm.

- Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn (5 năm) giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 để thực hiện mục tiêu từng giai đoạn. Hàng năm xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính để điều hành các hoạt động tài chính của Trường đáp ứng mục tiêu phát triển của từng năm và từng giai đoạn.

- Phát triển và đa dạng các nguồn thu tài chính để phục vụ cho sự phát triển của Trường. Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu từ hoạt động đào tạo. Tăng cường năng lực nghiên cứu và chuyển giao hoạt động khoa học công nghệ để tăng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ. Tích cực huy động nguồn tài trợ từ chính phủ, các tổ chức, cá nhân và cựu người học để tăng cường nguồn thu xây dựng cơ sở vật chất và hỗ trợ người học của Trường.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân trong Trường tích cực chủ động trong việc tạo nguồn thu, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, liên kết thực hiện các dịch vụ tư vấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và từ hoạt động khác trên cơ sở năng lực của đội ngũ.

- Xây dựng chính sách phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính đảm bảo nguyên tắc cân đối giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Đảm bảo thu nhập của viên chức và người lao động tăng theo lộ trình. Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học đảm bảo tỷ lệ chi theo hàng năm theo quy định, đặc biệt chú trọng hoàn thiện chính sách hỗ trợ tài chính hợp lý cho hoạt động công bố quốc tế, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện chính sách sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo mục tiêu tăng cường năng lực của đội ngũ và mục tiêu phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

- Hằng năm đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính để đưa ra các giải pháp cải tiến đảm bảo tiết kiệm nguồn lực tài chính chống thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo đúng quy định. Công khai các khoản thu và mức thu, công khai báo cáo quyết toán hằng năm. Minh bạch trong sử dụng các nguồn tài chính cho viên chức người lao động và các bên liên quan.

3.9. Các giải pháp khác

- Xây dựng và đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh với hạt nhân lãnh đạo có sức chiến đấu cao của cấp uỷ các cấp; tăng cường hơn nữa sự tích cực, năng động, sáng tạo của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội sinh viên, Chi hội Nữ tri thức; chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện ý thức và bản lĩnh chính trị của đội ngũ viên chức, người lao động và người học.

- Duy trì và phát triển tinh thần đoàn kết; đảm bảo sự công khai, công bằng trong các hoạt động và quản lý Trường; Đảm bảo lợi ích cho người học, viên chức và người lao động.

- Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống và bản sắc của Trường. Đẩy mạnh truyền thông nội bộ về thực hiện “Văn hóa Trường Đại học Thương mại”; làm cho các giá trị văn hóa của Trường thấm sâu vào từng viên chức và người lao động, trong mọi hoạt động chuyên môn, trong sinh hoạt và quan hệ giao tiếp, ứng xử tại mỗi đơn vị.

- Duy trì và phát triển các quan hệ giữa Trường với doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, cựu người học và cộng đồng.

- Tạo điều kiện để người học được phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; thực hiện tốt chế độ, chính sách, thủ tục hành chính cho người học, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học được phát huy tài năng, tốt nghiệp có việc làm và đáp ứng nhu cầu xã hội./.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



PGS, TS. Bùi Hữu Đức